

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS - ST

Ngày: 29 - 6 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương;

2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-DS ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: x A xxx Tổ x, ấp x, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Q là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022, xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch trình bày:

Bà X và ông T là bạn bè. Năm 2021, bà X cho ông T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 116.000.000 đồng, hẹn trả vào cuối tháng 11/2021. Việc vay tiền không có giấy tờ chứng minh nhưng bà X có xác nhận nợ với ông T qua điện thoại và bà có ghi âm, có file ghi âm và trích lược nội dung ghi âm bằng file word in trên giấy A4 nộp cho Tòa án. Quá hạn trả tiền nhưng ông T không trả. Do đó, bà X khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền vay 116.000.000

đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Huỳnh Minh T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp

Bà X khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay 116.000.000 đồng. Ông T có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Đ. Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa và quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về xét xử vắng mặt: Bà Ch đại diện cho bà X có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt bà Chi và ông T.

[3] Về nội dung:

Căn cứ nội dung các file ghi âm cuộc trò chuyện qua điện thoại giữ ông T và bà X trong ngày 23/8/2021 được lưu trữ trong USB và trích lược thành file word, in trên giấy A4 cung cấp cho Tòa án, thể hiện ông T còn nợ bà X số tiền 116.000.000 đồng, thời hạn trả vào cuối tháng 11/2021. Ông T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà X và nội dung các file ghi âm do bà X cung cấp chứng minh ông T có vay bà X số tiền 116.000.000 đồng nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản thể hiện sự phản đối yêu cầu của bà X theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS gửi đến Tòa án.

Khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”*

Như vậy, ông T không phản đối đối với tài liệu, chứng cứ mà bà X cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện nên bà X không có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 92 BLTTDS. Từ đó có căn cứ kết luận, ông T còn nợ bà X số tiền 116.000.000 đồng, khi đến hạn, ông T phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà X. Sự thỏa thuận của bà X và ông T phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Đến hạn, ông T không thực hiện nghĩa vụ của mình nên yêu cầu khởi kiện của bà X là có cơ sở; được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

Bà X chỉ yêu cầu ông T trả tiền gốc, không yêu cầu trả lãi nên HĐXX không xem xét về tiền lãi.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí 5.800.000 đồng trên số tiền 116.000.000 đồng phải trả cho bà Út.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Minh T.

Buộc ông Huỳnh Minh T phải trả cho bà Võ Thị X số tiền 116.000.000 đồng (*một trăm mười sáu triệu đồng*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Minh T phải chịu 5.800.000 đồng án phí.

Hoàn trả cho bà Võ Thị X số tiền 2.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án 0000184 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho